THỜI KHÓA BIỂU KỲ II - KHÓA 2020 - NĂM HỌC 2022 - 2023

Mã viên chức (Kiểu chuỗi)	Mã môn học (Kiểu chuỗi)	Tên môn học	Nhóm /tổ (Kiểu	Tổ TH (Kiểu	Tên tổ hợp (Kiểu	Mã lớp (Kiểu chuỗi)	Sĩ số trung bình	Số tiết (Kiểu số	Thứ (Enum	Tiết BĐ (Kiểu	Mã phòng học	Mã tính chất phòng (Kiểu chuỗi)	TKB tuần 15	TKB tuần 16	TKB tuần 17	TKB tuần 18	TKB tuần 19	TKB tuần 20	TKB tuần 21	TKB tuần 22	TKB tuần 23	TKB tuần 24	TKB tuần 27	TKB tuần 28	TKB tuần 29	TKB tuần 30	TKB tuần 31	TKB tuần 32	TKB tuần 33	TKB tuần 34	TKB tuần 35	TKB tuần 36	TKB tuần 37	TKB tuần 38	TKB tuần 39	TKB tuần 40	TKB tuần 41	TKB tuần 42	TKB tuần 43	Niên học học kỳ
MaNV	MaMH		Nhom To	ToTH	TenTo Hop	MaLop	SiSoTKB	SoTiet	Thu	TietBD	MaPH	MaTCPhong	TKBT 15	TKBT 16	TKBT 17	TKBT 18	TKBT 19	TKBT 20	TKBT 21	TKBT 22	TKBT 23	TKBT 24	TKBT 27	TKBT 28	TKBT 29	TKBT 30	TKBT 31	TKBT 32	TKBT 33	TKBT 34	TKBT 35	TKBT 36	TKBT 37	TKBT 38	TKBT 39	TKBT 40	TKBT 41	TKBT 42	TKBT 43	NHHK
GVD05009	61GER3LI2	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	01			NVĐ-20	63	4	2	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222
GVD05009	61GER3LI2	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	02			NVĐ-20	63	4	3	5		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222
GVD05009	61GER3LI2	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3			NVĐ-20	63	4	4	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222
TGD19019	61GER4INC	Giao tiếp liên văn hóa	01			NVĐ-20	70	4	5	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x											20222
TGD19019	61GER4INC	Giao tiếp liên văn hóa	01		01	NVĐ-20	70	2	5	1		BOMAYCHIEU																		x										20222
TGD19019	61GER4INC	Giao tiếp liên văn hóa	02			NVĐ-20	70	4	6	5		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x											20222
TGD19019	61GER4INC	Giao tiếp liên văn hóa	02		01	NVĐ-20	70	2	6	5		BOMAYCHIEU																		x										20222
GVD00004	61GER3TP1	Biên dịch 1	01			BPD-20	50	4	6	5		308A1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222
GVD00004	61GER3TP1	Biên dịch 1	01		01	BPD-20	50	3	6	5		308A1																								x				20222
GVD00004	61GER3TP1	Biên dịch 1	01		02	BPD-20	50	2	6	5		308A1																											x	20222
GVD02006	61GER3IP1	Phiên dịch 1	01			BPD-20	50	4	2	5			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		20222
GVD02006	61GER3IP1	Phiên dịch 1	01		01	BPD-20	50	3	2	5																											x			20222
GVD02006	61GER3IP1	Phiên dịch 1	01		02	BPD-20	50	2	2	5																													x	20222
GVD08011	61GER3LTM	Giảng dạy kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm - Từ vựng - Ngữ pháp)	01			DaF-20	75	4	5	1		BOMAYCHIEU																			x	x	x	x	x	x			20222
GVD15015	61GER3LTM	Giảng dạy kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm - Từ vựng - Ngữ pháp)	01		01	DaF-20	75	4	5	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x									20222
GVD04008	61GER3STM	Giảng dạy các kỹ năng tiếng (Nghe - Nói - Đọc - Viết)	01			DaF-20	75	4	4	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222
GVD07010	61GER4LPE	Thiết kế, thực hiện và đánh giá bài giảng	01			DaF-20	75	4	3	1		BOMAYCHIEU											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		20222

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2022

Trưởng khoa

Trợ lý giáo vụ

Ghi chú xin phòng: Các phòng lớn xin phòng có máy chiếu, micro, loa